

THÍCH NHẤT CHÂN dịch

**VÃNG SINH TỊNH ĐỘ LUẬN
GIẢNG KÝ**

Ấn Thuận

**VÔ LƯỢNG THỌ KINH
ƯU BÀ ĐỀ XÁ
NGUYỆN SINH KỆ CHÚ
LƯỢC LUẬN TỊNH ĐỘ**

Đàm Loan

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	7
GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ ẤN THUẬN VÀ ĐÀM LOAN ĐẠI SỨ	13
TỊNH ĐỘ LUẬN	
VÃNG SINH TỊNH ĐỘ LUẬN GIẢNG KÝ	19
VÔ LƯỢNG THỌ KINH ƯU BÀ ĐỀ XÁ	
NGUYÊN SINH KỆ CHÚ	
QUYỂN THƯỢNG	159
QUYỂN HẠ	239
LƯỢC LUẬN AN LẠC TỊNH ĐỘ NGHĨA	319

LỜI TỰA

Tịnh Độ không phải chỉ là lý tưởng của Tịnh Độ tông, mà còn là khuôn mẫu lý tưởng chung cho mọi tông phái của Đại thừa Phật giáo nữa.

Người ngoài cũng như Phật tử nói chung, thường bị quan niệm thanh tịnh cá nhân (tức lý tưởng của Tiểu thừa) ám ảnh đến mức độ như tin chắc rằng Phật giáo chỉ là con đường để thanh tịnh cá nhân đến mức tuyệt đối toàn hảo. Đại thừa bị nghi ngờ là hậu sinh và bị pha trộn đủ thứ lệch lạc trong đó. Thậm chí có người còn cho Đại thừa không phải là Phật giáo mà chỉ là một nỗ lực của ngoại đạo để phá hoại Phật giáo “nguyên thủy” chính thống. Lý do chẳng qua là vì Đại thừa hoàn toàn đượm mùi vị tôn giáo tập thể, phản ngược lại với chất vị cá nhân tuyệt đối trong sạch của Tiểu thừa “nguyên thủy”.

Một sự thẩm xét thấu đáo về Đại thừa sẽ cho thấy rằng những ám ảnh trên là hoàn toàn sai lầm. Lịch sử Phật giáo cũng chứng thật rõ ràng là Đại thừa không hề phá hoại Tiểu thừa, cũng không hề tiếp tay với ngoại đạo. Trước sau Đại thừa vẫn là Đại thừa và hoàn toàn là Phật giáo. Đại thừa cũng không hề xóa bỏ con đường thanh tịnh của cá nhân, trái lại sự thanh

tịnh ấy, đối với Đại thừa, lại chính là chân lý tuyệt đối phổ biến khắp mọi nơi và mọi loài. Đại thừa có thể nói với Tiểu thừa rằng: “Chúng ta chẳng có gì khác nhau, chẳng qua anh cá nhân và tôi tập thể mà thôi. Tất cả mọi nỗ lực của tôi làm là để thành tựu sự thanh tịnh cho tất cả chúng sinh. Anh tôn thờ Phật như một cá nhân hoàn toàn thanh tịnh, tôi tôn thờ Phật như một pháp thân thanh tịnh biến khắp không gian thời gian, mà mỗi vị Phật xuất hiện trong đời chỉ là một hiện thân cá nhân của pháp thân thanh tịnh ấy mà thôi. Anh thực hiện sự thanh tịnh viên mãn để Niết Bàn hóa toàn thể hiện hữu của cá nhân anh, tôi thực hiện sự thanh tịnh viên mãn cho toàn thể chúng sinh để tịnh độ hóa toàn thể vũ trụ...”.

Tóm lại, theo Đại thừa, cái chân lý viên mãn mà đức Phật giác ngộ ra không phải Tiểu thừa mà cũng chẳng phải Đại thừa, không phải ngoại đạo cũng chẳng phải Phật giáo. Nó vốn cứu cánh thanh tịnh tuyệt đối dứt mọi ngôn ngữ và tư tưởng. Tuy thế nó lại là nền tảng duy nhất cho toàn thể mọi xu hướng hiện hữu, nó là nguồn năng lực sinh khởi bất tận cho mọi sự hữu được hiện hữu. Nó là tất cả, là toàn thể. Song không phải vì thế mà cái gì cũng là Phật giáo được. Cái tính chất “là tất cả” của chân lý này, Phật giáo không hề chịu chia sẻ chung với Ấn Độ giáo. Cái nguyên lý “là tất cả” này là nguyên lý của sự giác ngộ của đức Phật, chứ không phải là nguyên lý của một năng lực huyền bí bao trùm khắp vũ trụ, mà loài người cứ tha hồ võ đoán là thần lực hay Thượng Đế... nói

cách khác cái nguyên lý “là tất cả” này đã được giác ngộ hóa cũng như thanh tịnh hóa, thế nên toàn thể vũ trụ, tất cả các pháp, đều là giác ngộ, đều là thanh tịnh, đều là Phật pháp.

Do đó, tuy chân lý tuyệt đối phải là chân lý chung của mọi loài, mọi tôn giáo, song nếu nó chưa được giác ngộ hóa và thanh tịnh hóa, thì nó không có một tác dụng gì hơn là một giấc mộng “vũ trụ” biến diệt bất tận và vô nghĩa. Nó thật sự không đưa lại một lối thoát, mà chỉ đưa lại một nguyên lý thần lực tuyệt đối áp đặt vào thân phận của muôn loài. Khi ấy Phật giáo từ chối nó như là chân lý tuyệt đối, mà chỉ coi đó là một nguồn lực vô minh bao trùm khắp mọi loài.

Như thế, với Đại thừa, vô minh và giác ngộ có chung một nguyên lý tuyệt đối. Song trong giới hạn của vô minh, nguyên lý tuyệt đối này là một thảm họa cho muôn loài. Một khi thoát vào thế giới giác ngộ, nguyên lý tuyệt đối sẽ thanh tịnh hóa và giải thoát cho tất cả mọi cõi mọi loài. Và chỉ với giác ngộ, nguyên lý tuyệt đối này mới được coi là chân lý. Do đó, nếu thiếu giác ngộ, (hay rõ hơn, nếu thiếu một vị Phật) sẽ không thể có chân lý tuyệt đối, không thể có Niết Bàn, an lạc, giải thoát chân thật, dù cái nguyên lý tuyệt đối của muôn loài vẫn luôn luôn có mặt ngay đây.

Vì vậy, một mặt chân lý của đạo Phật là chung cho tất cả chứ không riêng gì của Đại thừa, song mặt khác chỉ có xu hướng Đại thừa mới duy nhất hiển lộ ra được toàn thể chân lý chung kết cho mọi loài. Bởi chỉ

có xu hướng Đại thừa mới lấy sự giác ngộ của đức Phật làm lý tưởng cứu cánh, con đường Đại thừa mới nuôi dưỡng và phát triển ánh sáng giác ngộ ấy đến mức viên mãn.

Mà đến mức viên mãn có nghĩa là đưa ánh sáng giác ngộ từ cá nhân sang thẩm nhập vào tất cả mọi hiện hữu cho đến khi toàn thể hiện hữu đều trở nên hoàn toàn thanh tịnh trong ánh sáng giác ngộ. Khi ấy thế giới trở thành Tịnh Độ và cá nhân giác ngộ trở thành pháp thân thanh tịnh biến khắp không và thời gian. Đây là cảnh giới giác ngộ viên mãn và chân thật nhất của một vị Phật, và là khuôn mẫu lý tưởng của Đại thừa Phật giáo vậy.

Đại thừa trở thành một tôn giáo, bởi đối tượng của Đại thừa giờ đây là pháp thân thanh tịnh Phật, một thật thể siêu việt nhưng tích cực biến hiện cùng khắp theo nguyên tắc giác ngộ và tịnh hóa mọi loài. Đồng thời Đại thừa vẫn là con đường thành tựu thanh tịnh của cá nhân, bởi mỗi cá nhân tin tưởng đều có bổn phận phải thành tựu pháp thân thanh tịnh kia qua sự giác ngộ của mình để cứu độ tất cả chúng sinh.

Trong tiến trình thực hiện sự giác ngộ để thành tựu pháp thân, Tịnh Độ (và báo thân Phật) là một điều không thể thiếu sót được cho hành giả Đại thừa. Đó là huyết mạch giao thông giữa hành giả và thập phương chư Phật, qua đó hành giả thân chứng từ từ ra được pháp thân phổ biến vô cùng tận. Do đó sự thể nhập vào Tịnh Độ của Phật A Di Đà là một phương tiện tối

cao, tối cần thiết, và không thể không có được cho một hành giả Đại thừa. Và sự thể nhập chỉ hoàn toàn đúng nghĩa khi hành giả trở thành một với Tịnh Độ, nghĩa là qua sự vãng sinh để trở thành một thành phần (một con dân) của Tịnh Độ. Sự vãng sinh để thể nhập này có thể thực hiện được là bởi toàn thể vũ trụ đã được quang minh trí tướng của A Di Đà Phật tịnh hóa đã mười kiếp nay rồi, song chúng ta vẫn cứ hóa hiện theo nguyên tắc của vô minh nên vẫn không hề hay biết, song như thế có nghĩa là chúng ta đã ở sẵn trong Tịnh Độ rồi, vấn đề chỉ còn là rũ bỏ tất cả mọi nghiệp lực vô minh của cá nhân qua sự chết và bằng lòng đón nhận Tịnh Độ qua niềm tin quyết liệt. Do đó thể nhập vào Tịnh Độ, niềm tin là căn bản tiên quyết. Hành giả Đại thừa cần phải có lòng tin tuyệt đối vào Tịnh Độ và buông bỏ hết mọi dính dấp với sáu cõi vô minh. Tịnh Độ trở thành thật thể của hành giả, khi ấy trí huệ thể nhận ra pháp thân cùng đại nguyện cứu độ toàn thể chúng sinh sẽ được phát hiện và thành lập. Và con đường Bồ Tát đạo mở rộng ra trước hành giả...

Tịnh Độ như thế là chung cho các hành giả Đại thừa chứ không riêng gì của Tịnh Độ tông. **Vãng Sinh Luận** ở đây do Thế Thân (Vasubandhu) Bồ Tát tạo, và được giảng giải qua hai bậc Đại sư khả kính: Ấn Thuận Đại sư, một cao tăng hiện đại của Trung Hoa, và Đàm Loan Đại sư, một bậc cổ đức của triều đại nhà Tùy bên Trung Hoa. Thế Thân vốn là tổ của Duy Thức học; Ấn Thuận là một bậc bác học về tam tạng kinh điển, nhưng có thiên về tính Không học; Đàm Loan

như khai tổ của Tịnh Độ học vậy, bởi có lẽ trước ngài không ai khai triển hay dả động gì đến Tịnh Độ... Như thế đủ thấy mọi xu hướng của Đại thừa một khi đi sâu vào chân ý nghĩa của Đại thừa, ắt hẳn sẽ gặp nhau nơi Tịnh Độ.

Những sự hiểu lầm về Tịnh Độ cần phải được tẩy rửa đi, lòng tin vào Tịnh Độ cần phải được thành lập, trước khi chúng ta có thể đặt bước vào con đường Đại thừa Bồ Tát đạo.

GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ ẤN THUẬN VÀ ĐÀM LOAN

ẤN THUẬN ĐẠI SƯ (1906-...)

*Ấn Thuận Đại sư người huyện Hải Ninh, tỉnh
Triết Giang, sinh năm 1906.*

*Ngày 11 tháng 10 năm 1920 (Dân Quốc 19) được
lão hòa thượng Thanh Niệm trụ trì Phước Tuyền Am
tại Phổ Đà Sơn thế độ cho, đặt pháp danh là Ấn
Thuận, hiệu Thanh Chánh. (Việc xuất gia của Ấn
Thuận là do sự đồng ý, chỉ thị của Dục Sơn Thượng
Nhân, giới huynh của Thái Hư Đại sư).*

*Cuối tháng 10, 1920 (Dân Quốc 19), đến Thiên
Đông Tự thọ giới. Giới Hòa thượng (Hòa thượng đàn
đầu) là Viên Anh Lão Pháp sư.*

*Tháng 2, 1931 (Dân Quốc năm 20, ngài 26 tuổi)
được sự đồng ý của tiên sư, Ấn Thuận đến Môn Nam
Phật học viện, chùa Nam Phổ Đà ở Hạ Môn cầu pháp.
Vào học lớp sơ cấp, mùa hạ chưa hết lại bị bệnh. Từ
đó không khôi phục tinh thần lại được bình thường, cơ
thể suy yếu nhiều.*

Đầu tháng 8, đại diện cho viện trưởng Đại Tỉnh Pháp sư phái ngài đến Dũng Tuyên Phật học viện ở Cổ Sơn dạy học.

Năm 1932 (Dân Quốc 21, ngài 27 tuổi), đầu học kỳ, Đại Tỉnh Pháp sư yêu cầu Ấn Thuận dạy lại chính lớp mà khi trước ngài (Ấn Thuận) vào học.

Được ít lâu, Ấn Thuận bèn tự nghĩ: Mình phát tâm xuất gia vì cầu pháp. Học chưa đầy 4 tháng lại ở chính nơi đây làm giảng sư, thật chẳng biết tầm quý. Ở đây không thể đạt được nguyện vọng cầu pháp của mình, mình phải tự tìm cầu. Nghĩ thế, ngài bèn biên thư về Phước Tuyên Am nhờ biên thư kêu ngài trở về gấp vì lý do khẩn.

Mùa hạ 1932 (27 tuổi), đến chùa Huệ Tế - núi Phật Đỉnh, ở Lâu Kinh đọc Đại Tạng. Ở đây được một năm rưỡi để đọc chương sơ của Tam Luận Tông.

Tháng một 1934 (29 tuổi) lại đến Vũ Xương Phật học viện, tại đây lần đầu tiên được lễ kiến Thái Hư Đại sư. Sau đó đi Nam Kinh, đến thăm Cổ đạo tràng của Tam Luận Tông. Trở lại Vũ Xương ở đấy nửa năm, đọc xong chương sơ của Tam Luận Tông, và sau đó trở lại núi Phật Đỉnh.

Khoảng tháng 6, 7 nhận được thư của Thái Hư Đại sư và Thường Tinh Pháp Sư, viện trưởng Đại học Mân Nam mời ngài đến Hạ Môn (Mân Nam Phật học viện).

Đến Hạ Môn được nửa năm (1/1935, 30 tuổi) trở lại Thượng Hải, sau đó về Lâu Kinh ở núi Phật Đỉnh,

duyệt tặng kinh đến mùa thu năm 1936 (Dân Quốc 25, 31 tuổi) đọc xong Đại Tạng.

Ấn Thuận Đại sư là một trong những hiện đại danh tăng lỗi lạc nhất hiện cư ngụ tại Đài Loan (Đài Trung). Tuy niên lap đã cao nhưng ngài vẫn ngày đêm nghiên cứu thêm về Phật Pháp, viết rất nhiều tác phẩm Phật giáo.

Ngoài những tác phẩm lẻ mà sau này được kết lại thành bộ Diệu Vân Tập, còn được biết thêm những tác phẩm của ngài như:

- Nguyên Thủy Thánh điển chi tập thành,
- Đại thừa sơ kỳ Phật giáo, khởi nguyên dữ khai triển,
- Như Lai tạng chi nghiên cứu v.v...

(Theo "Hoa Vũ Hương Vân" của Ấn Thuận).

ĐÀM LOAN ĐẠI SƯ (476-542)

Truyền thống Tịnh Độ Trung Hoa coi Lô Sơn Huệ Viễn (334-416) Đại sư như sơ tổ và không hề đề cập gì đến Đàm Loan Đại sư hết. Tuy nhiên theo truyền thống Tịnh Độ Nhật Bản thì Đàm Loan Đại sư lại được coi là Thủy Tổ, bởi Tịnh Độ Nhật Bản truyền thừa theo hệ Đạo Xước và Thiện Đạo, mà Đạo Xước và Thiện Đạo lại liên hệ và bị ảnh hưởng chính yếu bởi Đàm Loan.

Theo “Tục Cao Tăng truyện”, Đàm Loan vốn người Nhạn Môn, tỉnh Sơn Tây. Nhân du ngoạn Ngũ Đài Sơn, thấy tâm thần thư thái, bèn phát tâm xuất gia. Ngài học rộng về cả nội, ngoại điển, nghiên cứu thâm sâu về bốn luận (Trung, Bách, Thập nhị môn luận và Đại Trí Độ Luận), cùng các vấn đề về Phật tính. Một hôm đang duyệt đọc Đại Tập Kinh, thấy từ ngữ rất thâm mật, khó cho người hiểu, nên ra sức chú giải. Được nửa phần, bỗng nhiên phát bệnh. Sau tuy có khỏi, nhưng nghĩ đến đời người vô thường, nên lập chí tìm học thuật trường sinh trước, rồi mới hoằng đạo sau. Do đó mới lần về phương Nam, đến Nam Kinh thuộc tỉnh Giang Tô vào năm Đại Thông triều Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế tiếp kiến tại Trùng Vân điện, hỏi về vấn đề Phật tính. Sau đó, tại Thái Vân điện hỏi thăm Đại sư có gì tìm đến phương Nam. Ngài bèn cho

biết muốn tìm Đào Quân để học phép tiên. Để giới thiệu cho Đào Quân, tức Đào Hoàng Cảnh, tiếp đãi ân cần và tặng cho Đại sư mười quyển tiên kinh. Đại sư được tiên kinh, muốn tìm ngọn núi ẩn cư tu luyện. Trên đường trở về Bắc Ngụy, ngang qua Lạc Dương, gặp gỡ Tam Tạng Bồ Đề Lưu Chi, mới hỏi thăm trong Phật pháp có chăng phương pháp bất tử hơn hẳn tiên kinh của Trung Quốc? Lưu Chi Tam Tạng bác bỏ tiên kinh, cho rằng dù có được trường sinh bất tử, nhưng chung cuộc vẫn thuộc ba cõi luân hồi! Trường sinh bất tử chân chính duy chỉ có Phật đạo. Rồi trao cho Đại sư Quán Vô Lượng Thọ Kinh, bảo y theo đó mà tu hành, sẽ được giải thoát và trường thọ vĩnh viễn. Đàm Loan vâng theo, đốt hết tiên kinh và chuyên tu theo Di Đà Tịnh Độ Pháp môn. Lại dạy bảo tăng tục thực hành và dạy người khác hành. Giới đế vương Bắc Ngụy thời ấy tôn trọng đức ngài, sắc phong là Thần Loan, và sắc trụ tại Đại Nghiêm Tự ở Tinh Châu. Sau ngài dời về Huyền Trung Tự ở Phần Châu tập chúng huân tu niệm Phật pháp môn. Ngài thị tịch vào triều Đông Ngụy, tháng 5 năm Hưng Hòa thứ 4.

Tác phẩm do Đàm Loan trước tác không có bao nhiêu. Ngoài "Ưu Bà Đề Xá Nguyện Sinh Kệ Chú" (2 quyển) ở đây ra, còn có "Tán Di Đà Phật kệ" (1 quyển) và "Lược Luận An Lạc Tịnh Độ Nghĩa" (1 quyển).

(Phỏng theo "Trung Quốc Tịnh Độ Giáo lý sử" của Vọng Nguyệt Tín Đình).